

Số: 2031/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Phương án tổng thể sắp xếp thôn, bản, khu phố
năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông báo số 306-TB/TU ngày 10/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án tổng thể sắp xếp thôn, bản, khu phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3035/TTr-SNV ngày 10/6/2026 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1199/VP.UBND-TH ngày 10/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Phương án tổng thể sắp xếp **1.452** thôn, bản, khu phố thành **624** thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Có Phương án tổng thể kèm theo).

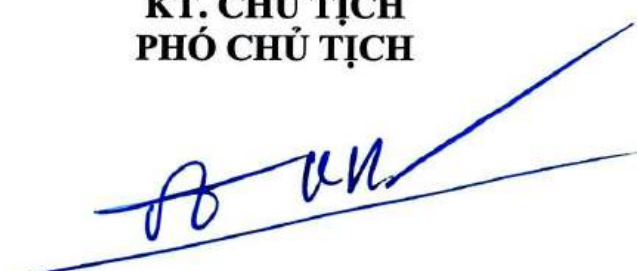
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ Quyết định thi hành. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - V0-V4, TH4;
 - Lưu: VT, TH2
- QĐ01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Lê Văn Ánh

Quảng Ninh, ngày tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ

Sắp xếp thôn, bản, khu phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Quyết định số 2031 /QĐ-UBND ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh)

Thực hiện Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Công văn số 509-CV/TU ngày 30/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Thông báo số 306-TB/TU ngày 10/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án tổng thể sắp xếp thôn, bản, khu phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 2250/UBND-TH ngày 30/5/2026 hướng dẫn tiêu chuẩn đặc thù và sắp xếp thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3035/TTr-SNV ngày 10/6/2026 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1199/VP.UBND-TH ngày 10/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành phương án tổng thể sắp xếp thôn, bản, khu phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU SẮP XẾP THÔN, BẢN, KHU PHỐ

1. Việc sắp xếp thôn, bản, khu phố phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu quản lý khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; đồng thời, xem xét đầy đủ các yếu tố đặc thù về lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý, quốc phòng, an ninh và sự gắn kết tự nhiên của cộng đồng dân cư, nhất là địa bàn miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và địa bàn có yếu tố tôn giáo; gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị ở cơ sở, thúc đẩy chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, mục tiêu tăng trưởng “2 con số” và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

2. Quá trình thực hiện phải giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, không để xảy ra điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở; giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết cộng đồng và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; điều hành của chính quyền các cấp; hướng dẫn, triển khai của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện thống nhất với kiện toàn, sắp xếp lại tổ

chức chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở thôn, khu phố.

3. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với triển khai thực hiện sắp xếp thôn, bản, khu phố ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi, ổn định tư tưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, khu phố trong tổ chức thực hiện.

4. Lựa chọn, giới thiệu người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, khu phố là người có uy tín, sức khỏe, tâm huyết, trách nhiệm, năng lực vận động quần chúng Nhân dân, từng bước trẻ hóa, nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng quản trị cộng đồng và chất lượng, hiệu quả phục vụ Nhân dân.

5. Việc đặt tên thôn, khu phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, khu phố; việc đổi tên thôn, khu phố thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, khu phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, khu phố. Nghiên cứu sử dụng tên của một trong các thôn, khu phố trước khi sắp xếp để hạn chế tác động do phải thay đổi giấy tờ nhân thân, địa chỉ liên lạc của cá nhân và tổ chức; sử dụng tên, địa danh truyền thống của làng, xã cũ trước đây.

6. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao của Nhân dân; bảo đảm người dân được thông tin đầy đủ, tham gia góp ý, giám sát việc sắp xếp thôn, khu phố theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

II. PHƯƠNG ÁN TỔNG THỂ SẮP XẾP THÔN, KHU PHỐ

1. Thực trạng thôn, bản, khu phố

Toàn tỉnh có 1.452 thôn, bản, khu phố, trong đó:

- Số thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn 204 (chiếm 14,05%);
- Số thôn, bản, khu phố không đạt tiêu chuẩn 1.248 (chiếm 85,95%)

2. Phương án tổng thể sắp xếp thôn, bản, khu phố

a) Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình

Căn cứ Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Văn bản số 2250/UBND-TH ngày 30/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn tiêu chuẩn quy mô đối với địa bàn đặc thù, cụ thể như sau:

(1) Thôn, bản từ 400 hộ gia đình trở lên, khu phố từ 550 hộ gia đình trở lên.

(2) Thôn, bản, khu phố có yếu tố đặc thù:

- Thôn, khu phố thuộc xã đảo: (i) Thôn đảo Trần thuộc đặc khu Cô Tô không áp dụng tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình; (ii) Thôn nằm trên đảo biệt lập hoặc thôn thuộc các xã nằm trên đảo biệt lập từ 200 hộ trở lên.

- Thôn, bản, khu phố thuộc địa bàn xã miền núi hoặc biên giới hoặc vùng dân tộc thiểu số: Thôn, bản từ 200 hộ trở lên. Trường hợp thôn, bản thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều thành phần dân tộc cùng sinh sống, có đặc điểm riêng khác biệt về phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa yêu cầu đặc thù trong quản lý, tổ chức hoạt động hoặc có khoảng cách từ điểm tập trung dân cư đến trung tâm thôn (nhà văn hóa thôn) từ 10 km trở lên thì có thể thấp hơn tiêu chuẩn trên nhưng phải bảo đảm có từ 150 hộ trở lên.

b) Phương án sắp xếp

- Toàn tỉnh thực hiện sắp xếp 1.452 thôn, bản, khu phố thành 624 thôn, bản, khu phố; giảm 828 thôn, bản, khu phố, đạt 57,02%, cụ thể như sau:

(1) Phường An Sinh: Sắp xếp 32 khu phố thành 10 khu phố; giảm 22 khu phố (68,75%).

(2) Phường Đông Triều: Sắp xếp 36 khu phố thành 11 khu phố; giảm 25 khu phố (70%).

(3) Phường Bình Khê: Sắp xếp 24 khu phố thành 08 khu phố; giảm 16 khu phố (66,66%).

(4) Phường Mạo Khê: Sắp xếp 47 khu phố thành 19 khu phố; giảm 28 khu phố (59,57%).

(5) Phường Hoàng Quế: Sắp xếp 23 khu phố thành 11 khu phố; giảm 12 khu phố (52,17%).

(6) Phường Yên Tử: Sắp xếp 34 khu phố thành 13 khu phố và 01 thôn; giảm 20 khu phố (tỷ lệ 58,82%).

(7) Phường Vàng Danh: Sắp xếp 32 khu phố thành 15 khu phố; giảm 17 khu phố (53,12%).

(8) Phường Uông Bí: Sắp xếp 33 khu phố thành 24 khu phố; giảm 09 khu phố (72,72%).

(9) Phường Đông Mai: Sắp xếp 22 khu phố thành 10 khu phố; giảm 12 khu phố (54,55%).

(10) Phường Liên Hòa: Sắp xếp 31 khu phố thành 11 khu phố; giảm 20 khu phố (64,52%).

(11) Phường Quảng Yên: Sắp xếp 37 khu phố thành 13 khu phố; giảm 24 khu phố (tỷ lệ 64,86%).

(12) Phường Hiệp Hòa: Sắp xếp 39 khu phố thành 14 khu phố; giảm 25 khu phố (64,10%).

(13) Phường Hà An: Sắp xếp 24 khu phố thành 08 khu phố; giảm 16 khu phố (66,67%).

(14) Phường Phong Cốc: Sắp xếp 26 khu phố thành 11 khu phố; giảm 15 khu phố (57,69%).

(15) Phường Tuần Châu: Sắp xếp 16 khu phố thành 06 khu phố; giảm 10 khu phố (62,5%).

- (16) Phường Việt Hưng: Sắp xếp 25 khu phố thành 15 khu phố; giảm 10 khu phố (40%).
- (17) Phường Bãi Cháy: Sắp xếp 17 khu phố thành 14 khu phố; giảm 03 khu phố (17,64%).
- (18) Phường Cao Xanh: Sắp xếp 15 khu phố thành 11 khu phố; giảm 04 khu phố (26,67%).
- (19) Phường Hồng Gai: Sắp xếp 22 khu phố thành 18 khu phố; giảm 04 khu phố (18,18%).
- (20) Phường Hạ Long: Sắp xếp 27 khu phố thành 16 khu phố; giảm 11 khu phố (40,74 %).
- (21) Phường Hà Lâm: Sắp xếp 22 khu phố thành 14 khu phố; giảm 08 khu phố (36,36%).
- (22) Phường Hà Tu: Sắp xếp 17 khu phố thành 08 khu phố; giảm 09 khu phố (52,94%).
- (23) Phường Hoàn Bò: Sắp xếp 32 khu phố thành 08 khu phố và 04 thôn; giảm 20 khu phố (62,5%).
- (24) Xã Thống Nhất: Sắp xếp 24 thôn thành 11 thôn; giảm 13 thôn (54,16%).
- (25) Xã Quảng La: Sắp xếp 19 thôn thành 06 thôn; giảm 13 thôn (68,42%).
- (26) Phường Mông Dương: Sắp xếp 18 khu phố thành 06 khu phố và 03 thôn; giảm 09 khu phố (50%).
- (27) Phường Cửa Ông: Sắp xếp 55 khu phố thành 23 khu phố; giảm 32 khu phố (58,18%).
- (28) Phường Quang Hanh: Sắp xếp 39 khu phố thành 18 khu phố; giảm 21 khu phố (53,84%).
- (29) Phường Cẩm Phả: Sắp xếp 50 khu phố thành 20 khu phố; giảm 30 khu phố (60%).
- (30) Xã Hải Hòa: Sắp xếp 12 thôn thành 03 thôn; giảm 09 thôn (75%).
- (31) Xã Ba Chẽ: Sắp xếp 38 thôn thành 16 thôn; giảm 22 thôn (57,89%).
- (32) Xã Lương Minh: Sắp xếp 15 thôn thành 07 thôn; giảm 08 thôn (53,33%).
- (33) Xã Kỳ Thượng: Sắp xếp 20 thôn thành 06 thôn; giảm 14 thôn (70%).
- (34) Xã Tiên Yên: Sắp xếp 26 thôn thành 03 thôn và 07 khu phố; giảm 16 thôn (61,54%).
- (35) Xã Điền Xá: Sắp xếp 15 thôn thành 07 thôn; giảm 08 thôn (53,33%).
- (36) Xã Đông Ngũ: Sắp xếp 23 thôn thành 11 thôn, bản; giảm 12 thôn (52,17%).
- (37) Xã Hải Lạng: Sắp xếp 12 thôn, bản thành 06 thôn, bản; giảm 06 thôn, bản (50%).
- (38) Xã Đàm Hà: Sắp xếp 39 thôn thành 08 thôn và 05 khu phố; giảm 26 thôn (66,67%).

(39) Xã Quảng Tân: Sắp xếp 31 thôn, bản thành 14 thôn; giảm 17 thôn (54,84%).

(40) Xã Quảng Hà: Sắp xếp 53 thôn thành 15 khu phố và 02 thôn; giảm 36 thôn (67,92%).

(41) Xã Đường Hoa: Sắp xếp 31 thôn thành 11 thôn; giảm 20 thôn (64,52%).

(42) Xã Quảng Đức: Sắp xếp 25 thôn, bản thành 10 thôn; giảm 15 thôn, bản (60%).

(43) Xã Cái Chiên: Sắp xếp 03 thôn thành 01 thôn; giảm 02 thôn (66,67%).

(44) Xã Bình Liêu: Sắp xếp 35 thôn thành 14 thôn; giảm 21 thôn (60%).

(45) Xã Lục Hồn: Sắp xếp 29 thôn thành 11 thôn; giảm 18 thôn (62,07%).

(46) Xã Hoàn Mô: Sắp xếp 22 thôn thành 06 thôn; giảm 16 thôn (72,73%).

(47) Phường Móng Cái 1: Sắp xếp 37 khu phố thành 17 khu phố; giảm 20 khu phố (54%).

(48) Phường Móng Cái 2: Sắp xếp 18 khu phố thành 10 khu phố; giảm 08 khu phố (44,44%).

(49) Phường Móng Cái 3: Sắp xếp 17 khu phố thành 07 khu phố; giảm 10 khu phố (58,82%).

(50) Xã Hải Sơn: Sắp xếp 07 thôn thành 03 thôn; giảm 04 thôn (57,14%).

(51) Xã Hải Ninh: Sắp xếp 14 thôn, bản thành 05 thôn, bản; giảm 09 thôn, bản (tỷ lệ 64,28%).

(52) Xã Vĩnh Thục: Sắp xếp 07 thôn thành 05 thôn; giảm 02 thôn (28,57%).

(53) Đặc khu Vân Đồn: Sắp xếp 72 thôn, khu phố thành 27 thôn, khu phố; giảm 45 thôn, khu phố (62,5%).

(54) Đặc khu Cô Tô: Sắp xếp 13 thôn, khu phố thành 07 thôn, khu phố; giảm 06 thôn, khu phố (46,15%).

Dự kiến sau sắp xếp:

(1) Về tiêu chuẩn: Có 624/624 thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn (100%);

(2) Về quy mô: Có 79 thôn, bản, khu phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên (05 khu phố có số hộ lớn nhất: Khu phố 2, phường Mạo Khê 1.787; Khu Bãi Cháy 7, phường Bãi Cháy 1.769; Khu phố Trần Phú, phường Móng Cái 1 1.686; Khu phố Yên Lâm, phường Đông Triều 1.634; Khu phố 1, phường Mạo Khê 1.624); 25 thôn dưới 200 hộ gia đình (05 thôn có hộ dân thấp nhất: Thôn Trần, đặc khu Cô Tô 16; Thôn Ngàn Mèo, xã Lục Hồn 150; Thôn Phiên Sáp, xã Lục Hồn 150; Thôn Làng Mới, xã Ba Chẽ 150; Thôn Bắc Phong Sinh, xã Quảng Đức 151; Thôn Pắc Phe, xã Lục Hồn 154).

(3) Về tỷ lệ giảm: Toàn tỉnh giảm 828 thôn, bản, khu phố, đạt 57,02%; một số địa phương có tỷ lệ giảm cao (Hải Hòa giảm 9/12 đạt 75%; Hoàn Mô 16/22 đạt 72,3%; Kỳ Thượng 14/20, đạt 70%; Đông Triều 25/36 đạt 69,44%; An Sinh giảm 22/32 đạt 68,75...), nhóm có tỷ lệ giảm thấp (Bãi Cháy 3/17 đạt 17,65%; Hồng Gai 4/22 đạt 18,18%; Cao Xanh 4/15 đạt 26,67%; Uông Bí 9/33 đạt 27,27%...); có 73 thôn, bản, khu phố giữ nguyên không sắp xếp do quy mô số hộ

tương đối cao (khu phố Trần Hưng Đạo 4 phường Hồng Gai 1.291 hộ; khu phố Trần Hưng Đạo 1 phường Hồng Gai 1.004 hộ; Khu phố Bãi Cháy 7 có 1.769 hộ, Khu phố Bãi Cháy 10 có 1.532 hộ....)

(4) Về khoảng cách từ điểm dân cư xa nhất đến trung tâm thôn, bản, khu phố dao động từ 0,2km đến 20,7km; 05 thôn, khu phố có cự ly xa nhất: thôn 5, xã Hải Ninh 20,7 km (616 hộ); Thôn Hà Lâm, xã Điện Xá 13,0 km (198 hộ); Khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh 12 km (920 hộ); Thôn Nà Pá, xã Quảng Tân 11 km (254 hộ); Thôn Thanh Sơn, xã Ba Chẽ 10,5 km (289 hộ).

(5) Về loại hình: Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP¹, một số địa phương đã quyết định tổ chức khu phố ở xã, đặc khu để phù hợp với thực tiễn mức độ đô thị hóa, theo đó, có 05 xã tổ chức 42 khu phố (Tiên Yên 07, Quảng Hà 15, Đầm Hà 5, Vân Đồn 13, Cô Tô 02); 03 phường tổ chức 08 thôn (Hoành Bồ 04, Yên Tử 01, Mông Dương 03), đặc biệt xã Quảng Hà đang xây dựng lộ trình lên phường đã chủ động sắp xếp 53 thôn thành 15 khu phố và 02 thôn đạt tiêu chuẩn.

(Chi tiết theo Phụ lục gửi kèm)

3. Phương án bố trí và giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã và thôn, bản, khu phố

a) Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Thực hiện Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Công văn số 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Văn bản số 2057/UBND-TH ngày 22/6/2025 chỉ đạo bố trí sử dụng và giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/5/2026, trên cơ sở hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Sở Nội vụ đã phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thanh tra tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách 986 trường hợp nghỉ hưởng chính sách tinh giản biên chế; phê duyệt kinh phí 934 trường hợp với 139.768 tỷ đồng (đang thẩm định để phê duyệt kinh phí 52 trường hợp còn lại).

Đến 01/6/2026, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu đã kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo chỉ đạo của Trung ương; hiện nay, các địa phương đang lập hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ thẩm định giải quyết chính sách tinh giản đối với 319 trường hợp² theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP sau khi kết thúc hoạt động.

¹ “4. Trường hợp cần thiết do đặc điểm lịch sử, văn hóa, dân tộc, phong tục, tập quán, mức độ đô thị hóa hoặc yêu cầu quản lý thực tế của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức và sử dụng tên gọi thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu hoặc tên gọi cộng đồng dân cư khác phù hợp với thực tiễn địa phương.”

² Việt Hưng 2; Bãi Cháy 5; Hoành Bồ 5; Cao Xanh 6;; Hồng Gai 3;; Hạ Long 4; Hà Tu 3; Hà Lâm 4; Quảng La 6; Mông Dương 8; Cửa Ông 8; Quang Hanh 5; Cẩm Phả 5; Đông Ngũ 5; Tiên Yên 16; Điện Xá 6; Hải Lăng 3; An Sinh 10; Đông Triều 8; Bình Khê 9; Mạo Khê 3; Hoàng Quế 4; Yên Tử 9; Vàng Danh 1; Uông Bí 2; Hiệp Hòa 1; Quảng Yên 6; Hà An 5; Phong Cốc 6; Liên Hòa 8; Lương Minh 3; Kỳ Thượng 3; Ba Chẽ 8; Cái Chiên 2;; Quảng Hà 18; Đường Hòa 11; Quảng Đức 10; Hoành Mô 6; Lục Hồn 1; Bình Liêu 16;; Hải Sơn 7; Hải Ninh 5; Vĩnh Thực 10; Móng Cái 1 12; Móng Cái 2 1; Móng Cái 3 2; Vân Đồn 38.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố

(1) Thực trạng: Tổng số 2.904 người, trong đó: Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng thôn, bản, khu phố 1.452 người; Trưởng Ban CTMT là 1.452 người;

(2) Dự kiến bố trí tại 624 thôn, bản, khu phố mới (sau sắp xếp): Thống nhất bố trí mỗi thôn, khu phố 03 chức danh người hoạt động không chuyên trách, gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản, khu phố và Trưởng Ban công tác Mặt trận; Theo đó, bố trí 1.872 người vào 03 chức danh, cụ thể:

- Bí thư chi bộ 624 người;
- Trưởng thôn, bản, khu phố 624 người;
- Trưởng Ban công tác Mặt trận 624 người;

Trên cơ sở yêu cầu thực tiễn và điều kiện cụ thể của từng địa bàn, các địa phương chủ động rà soát, bố trí kiêm nhiệm các chức danh theo quy định đối với những thôn, bản, khu phố đủ điều kiện, bảo đảm nâng cao hiệu quả hoạt động và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

(3) Số dôi dư: 1.032 người, trong đó: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản, khu phố 204; Trưởng Ban công tác Mặt trận 828 người;

(4) Phương án giải quyết dôi dư: Dự kiến giải quyết chế độ, chính sách nghỉ việc 1.032 người (các địa phương đang xác định cụ thể phương án giải quyết dôi dư)

c) Dự kiến giải quyết chế độ, chính sách dôi dư sau sắp xếp

- **Về đối tượng:** Thực hiện theo khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

- **Về chính sách:** Thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.

4. Tiến độ thực hiện

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, bản, khu phố của địa phương (bao gồm phương án bố trí, giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách), **trước ngày 15/06/2026**;

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Đề án sắp xếp thôn, bản, khu phố trong thời hạn 05 ngày, **trước ngày 20/6/2026**;

- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trình HĐND cùng cấp; **trước ngày 26/6/2026**;

- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện công tác nhân sự (theo Phương án bố trí đã được phê duyệt), cử Trưởng thôn, bản, khu phố lâm thời để điều hành thôn, bản, khu phố mới đi vào hoạt động **từ ngày 01/7/2026**.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu lập hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách thôn, bản, khu phố dôi dư, gửi Sở Nội vụ thẩm định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương quán triệt nghiêm túc Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị, Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ, Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 509-CV/TU ngày 30/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Văn bản số 2250/UBND-TH ngày 30/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn tiêu chuẩn đặc thù và sắp xếp thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, xác định việc sắp xếp thôn, khu phố và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách là nhiệm vụ chính trị quan trọng phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền địa phương cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, các chi bộ ở thôn, khu phố tổ chức thực hiện; đồng thời, kiện toàn tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với thôn, khu phố sau sắp xếp theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Xây dựng Đề án sắp xếp thôn, bản, khu phố của địa phương theo Phương án tổng thể được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (trong đó bao gồm phương án kiện toàn đội ngũ người hoạt động không chuyên trách tại các thôn, khu phố sau sắp xếp và chính sách hỗ trợ theo quy định);

b) Thực hiện trình tự, thủ tục, hồ sơ sắp xếp thôn, bản, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ;

c) Rà soát, lựa chọn, chỉ định Trưởng thôn, khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố mới kể từ ngày 01/7/2026 cho đến khi tổ chức bầu, kiện toàn chức danh Trưởng thôn, khu phố theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ;

d) Giải quyết chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố dôi dư sau sắp xếp;

đ) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện (qua Sở Nội vụ) để kịp thời tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu triển khai sắp xếp thôn, bản, khu phố theo đúng quy định, bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương;

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng Đề án, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua việc sắp xếp thôn, bản, khu phố của các xã, phường, đặc khu;

c) Hướng dẫn việc bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố sau sắp xếp;

d) Hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố đôi dư do sắp xếp;

đ) Tổng hợp tình hình sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố; chủ động nắm tình hình, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo các nội dung vượt thẩm quyền.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, hướng dẫn việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện sắp xếp thôn, khu phố và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các địa phương bố trí nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố theo quy định; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp thôn, khu phố bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí, sử dụng nhà văn hóa và các thiết chế liên quan của thôn, khu phố.

5. Công an tỉnh

Chỉ đạo lực lượng công an chủ động nắm tình hình địa bàn; chỉ đạo công an xã, phường, đặc khu phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc rà soát, cung cấp số liệu hộ gia đình cư trú trên địa bàn; kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh, trật tự trong quá trình sắp xếp thôn, khu phố; bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tuyệt đối không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp ở cơ sở.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy định hướng thông tin, tuyên truyền những nhiệm vụ trọng tâm tập trung thực hiện về sắp xếp thôn, khu phố; quản lý chặt chẽ công tác thông tin, tuyên truyền, nhất là trên không gian mạng; phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc, tin giả gây hoang mang cho xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp thôn, tổ dân phố.

7. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản có liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, khu phố và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách; phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn địa phương trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực được phân công

Trên đây là Phương án tổng thể sắp xếp thôn, bản, khu phố năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh./.